

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 11-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Bùi Việt D - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1997 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Lò Thị N; có vợ là Tòng Thị Th và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 18-12-2020, đến ngày 25-12-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Lò Văn T2, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1999 tại tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Lò Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 18-12-2020, đến ngày 25-12-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Lò Văn T3, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2000 tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKKHKT: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị P; chưa có vợ, con; tiền án: Không,

tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 18-12-2020, đến ngày 25-12-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Lê Văn D, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1986 tại tỉnh Hải Dương; nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị D; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPHC ngày 10-4-2015 của Trưởng Công an huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 1.500.000 đồng và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ-XPVPHC ngày 08-9-2016 của Trưởng Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 1.500.000 đồng đều về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đều đã được xóa; bị tạm giữ ngày 18-12-2020, đến ngày 25-12-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lò Thị P, có mặt;
2. Anh Toán Văn H, vắng mặt;
3. Anh Phạm Văn Đ, vắng mặt;
4. Ông Trần Văn H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lò Thị P, bị cáo Lò Văn T1 và bị cáo Lò Văn T2 là ba chị em ruột, ở cùng nhà trọ của anh Phạm Văn Th, tại tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Bị cáo T1 và bị cáo T2 ở 01 phòng trọ dưới tầng 01, chị P ở 01 phòng trọ trên tầng 02. Chị P thường để chìa khóa phòng trọ và chìa khóa xe mô tô của mình cho hai bị cáo sử dụng. Hàng ngày, khi chị P đi làm, hai bị cáo lên sinh hoạt tại phòng trọ của chị. Hai bị cáo đều nghiện ma túy, thường mua ma túy của đối tượng tên là Lanh (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) để sử dụng cho bản thân; qua Lanh, các bị cáo biết bị cáo Lê Văn D có bán ma túy. Sau đó, vì không có việc làm, bị cáo T1 và bị cáo T2 nảy sinh ý định góp chung tiền mua ma túy vừa để sử dụng, vừa để bán lại cho những người nghiện để kiếm lời. Hai bị cáo không bàn bạc và thống cụ thể về số tiền góp, về người bán, về người cảnh giới; ai rảnh thì bán ma túy, tiền bán ma túy có được để chung vào một ví và được sử dụng chung.

Khoảng 12 giờ, ngày 16-12-2020, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, biển kiểm soát 26H1-049.42 của P chở bị cáo T2 từ phòng trọ của mình đến phòng trọ của bị cáo D ở số 652 Thiên Lô, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng để mua ma túy. Khi đó, bị cáo D không có ở phòng trọ nên bị cáo Lò Văn T3 (ở chung phòng trọ với bị cáo D) sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu VinSmart Joy 3 gọi cho bị cáo D (sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo A70) về để bán ma túy, khoảng 05 phút sau, bị cáo D về. Lúc này, trong phòng trọ có các bị cáo D, T3, T2 và T1; bị cáo T2 hỏi bị cáo D:

“Anh còn hàng không?” bị cáo D nói: “*Đây còn ba triệu*”, rồi bị cáo D đưa ma túy cho bị cáo T2, bị cáo T1 đưa 3.000.000 đồng cho bị cáo D, còn bị cáo T3 đứng ở cửa phòng trọ để cảnh giới. Bị cáo T2 và bị cáo T1 lấy một phần ma túy vừa mua được sử dụng tại chỗ. Sau đó, cả hai bị cáo cầm ma túy, điều khiển xe mô tô về khu nhà trọ của mình ở quận Đồ Sơn. Hai bị cáo T1 và T2 lên phòng trọ của chị P (lúc này, chị P đang đi làm) trên tầng 02 cùng nhà trọ. Tại đây, bị cáo T1 xé giấy bạc màu trắng, bị cáo T2 dùng dao lam chia số ma túy vừa mua được thành 50 phần, rồi gói mỗi phần lại bằng giấy bạc. Số ma túy này, hai bị cáo sử dụng hết 15 gói. Trưa ngày 17-12-2020, tại phòng trọ, bị cáo T1 bán cho một người không quen biết 01 gói được 100.000 đồng và bị cáo T2 bán cho hai người không quen biết khác 02 gói được 200.000 đồng. Sáng ngày 18-12-2020, tại phòng trọ, bị cáo T2 tiếp tục bán 01 gói cho một người không quen biết được 100.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 18-12-2020, anh Toán Văn H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung M20 gọi cho bị cáo T2 (sử dụng điện thoại nhãn hiệu Realme C2) hỏi “*Còn không, cho tao một cái*”; hiểu ý anh H hỏi mua ma túy, bị cáo T2 đồng ý và nói “*Còn, xuống khu nhà trọ tao*”. Khoảng 10 phút sau, anh H gọi điện lại nói “*Ở đây đông người, đi lui lên trên tí*”. Sau đó, bị cáo T2 lấy 01 gói giấy bạc chứa ma túy, điều khiển xe mô tô của chị P đi bán ma túy cho anh H; trước khi đi, bị cáo T2 nói với bị cáo T1 “*Em đi giao hàng cho đứa bạn*”; ra đến khu vực đường 14, thuộc tổ dân phố Đông Phong, phường Minh Đức, bị cáo T2 đưa cho anh H 01 gói giấy bạc chứa ma túy, anh H đưa cho bị cáo T2 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn phát hiện, bắt quả tang và thu giữ 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, nghi là ma túy Heroine (mẫu số 1) tại hộc để đồ của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, biển kiểm soát 11L1-042.63 do anh H điều khiển; thu giữ của bị cáo T2 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng là tiền bán ma túy cho anh Hùng; đồng thời, thu giữ 02 xe mô tô và 02 điện thoại di động mà bị cáo T2 và anh H đang sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo T2 và T1 (phòng trọ tầng 1) nhưng không thu giữ gì liên quan đến vụ án; khám xét khẩn cấp phòng trọ của chị P (khi đó, bị cáo T1 đang ở trong phòng), thu giữ trên mặt giường ngủ 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước (07 x 04)cm, bên trong chứa 30 gói giấy bạc màu trắng, kích thước tương đối đồng đều nhau, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục (mẫu số 2), bị cáo T2 khai nhận là ma túy Heroine mua của bị cáo D và bị cáo T3 với mục đích vừa để sử dụng, vừa bán cho những người nghiện khác để kiếm lời. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 của bị cáo T1, 01 dao lam nhãn hiệu LORD mà bị cáo T2 khai dùng để chia ma túy.

Khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của D và Thảo, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn thu giữ: 01 hộp sắt màu xanh lá cây, nhãn hiệu Mentos, kích thước (04 x 09 x 1,5)cm, bên trong có 36 gói giấy bạc màu trắng, kích thước tương đối đồng đều (01 x 01)cm, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục (mẫu số 3) trong túi quần bên trái, phía trước bị cáo D đang mặc, bị cáo D khai là ma túy Heroine; 01 lọ thủy tinh hình trụ tròn, màu nâu - đen, nhãn hiệu KenMax, kích thước (07 x 05)cm, bên trong có 01 gói giấy bạc màu trắng, kích

thước (01 x 01)cm chứa chất bột màu trắng (mẫu số 4) tại đầu giường trong phòng trọ, bị cáo T3 khai là ma túy Heroine của bị cáo D đưa cho bán hộ; thu giữ của bị cáo D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A70, 01 đồng hồ nhãn hiệu HALEI Quartz, màu vàng và số tiền 9.506.000 đồng; thu giữ của bị cáo T3 số tiền 410.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Vinsmart Joy 3; thu giữ trong phòng trọ 01 cân tiểu ly, 01 dao lam nhãn hiệu CROMA mà các bị cáo khai sử dụng để chia ma túy.

Bị cáo còn T2 khai: Khoảng 11 giờ, ngày 09-12-2020, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của D để mua ma túy. Đến phòng trọ, bị cáo gặp bị cáo T3 và bị cáo D. Sau đó, bị cáo và bị cáo D đi ra khoảng sân đối diện phòng trọ, bị cáo T3 đi ra ngoài. Tại đây, bị cáo D đưa cho bị cáo 01 túi nilon đựng ma túy Heroine, bị cáo đưa cho bị cáo D 700.000 đồng. Mua bán xong, bị cáo đi xe mô tô về quận Đồ Sơn. Số ma túy này, bị cáo và bị cáo T1 sử dụng hết cho bản thân, không bán cho ai.

Bị cáo T1 và bị cáo T2 đều khai: 30 gói ma túy mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại phòng trọ của chị P là hai bị cáo tàng trữ vừa để sử dụng cho bản thân, vừa để bán cho người khác nhưng không phân định gói nào để bán, gói nào để sử dụng, nếu có người mua hết thì sẽ bán hết.

Bị cáo T3 khai nhận: Bị cáo nghiện ma túy, đến ở cùng với bị cáo D khoảng đầu tháng 12-2020. Bị cáo biết bị cáo D có bán ma túy, tự nguyện bán ma túy hộ bị cáo D, cảnh giới khi có người đến mua ma túy của bị cáo D để được bị cáo D cho ăn, ở và sử dụng ma túy không mất tiền. Vào ngày 16 và ngày 18-12-2020, mỗi ngày, bị cáo D đưa cho bị cáo 05 gói ma túy Heroine để bán; ngày 16, bị cáo bán hết 05 gói ma túy cho 05 người không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 500.000 đồng và đã đưa tiền cho bị cáo D; ngày 18, bị cáo bán được 04 gói ma túy cho 04 người không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 400.000 đồng nhưng chưa kịp đưa tiền cho bị cáo D thì bị Công an quận Đồ Sơn phát hiện, bắt giữ. Số tiền 410.000 đồng thu giữ của bị cáo, trong đó có 400.000 đồng là tiền bán ma túy vào ngày 18-12-2020, 10.000 đồng là tiền bị cáo D đưa để mua bột giặt nhưng lấy từ tiền bán ma túy. Bị cáo không biết, không nhìn thấy bị cáo D bán ma túy cho bị cáo T2 vào ngày 09-12-2020 như bị cáo T2 trình bày.

Bị cáo D khai nhận: Sáng ngày 16-12-2020, bị cáo mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng 01 cục ma túy Heroine với giá 3.000.000 đồng. Số ma túy này, bị cáo đã bán một phần cho bị cáo T2 và bị cáo T1 vào ngày 16-12-2020 với giá 3.000.000 đồng; phần còn lại, bị cáo chia nhỏ thành nhiều gói vừa để bản thân và bị cáo T3 sử dụng, vừa để bán cho những người nghiện có nhu cầu nhưng không phân định rõ gói nào để bán, gói nào để sử dụng. Trong số tiền 9.506.000 đồng thu giữ của bị cáo, có 3.000.000 đồng là tiền bán ma túy cho bị cáo T2 và bị cáo T1, 500.000 đồng là tiền bị cáo T3 bán ma túy đưa cho, còn lại là tiền công làm thợ sơn của bị cáo. Lời khai của bị cáo T3 ở trên là đúng. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo T2 vào ngày 09-12-2020 như lời khai của bị cáo T2.

Kết luận giám định số 53/KLGD-MT và 56/KLGD-MT ngày 21-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột của mẫu số 01 gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,04 gam, là loại Heroine; chất bột

của mẫu số 02 gửi giám định là ma túy, khối lượng 1,29 gam, là loại Heroine; chất bột của mẫu số 03 gửi giám định là ma túy, khối lượng 2,52 gam, là loại Heroine; chất bột của mẫu số 04 gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,07 gam, là loại Heroine.

Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 10-6-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo T1 và bị cáo T2 cùng về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo T3 và bị cáo D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng, đều thừa nhận về hành vi bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm để sử dụng và bán cho người khác và bị thu giữ vật chứng đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã nêu. Riêng bị cáo D không thừa nhận bán ma túy cho bị cáo T2 vào khoảng 11 giờ, ngày 09-12-2020 như cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về kiểm soát, quản lý, sử dụng các loại ma túy, gây hậu quả nghiêm trọng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, trật tự xã hội, đạo đức và sức khỏe của con người; gây mất trật tự ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo T2 và T1 cùng thống nhất việc bán ma túy cho người khác để lấy tiền tiêu chung. Ngoài ngày 18-12-2020, khi bị cáo T2 bán ma túy cho anh H bị bắt quả tang, hai bị cáo còn bán ma túy cho nhiều người tại phòng trọ. Do đó, các bị cáo T2 và T1 phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo D bán ma túy cho T2 vào ngày 9-12-2020, bán ma túy cho các bị cáo T2 và T1 vào ngày 16-12-2020, giao ma túy cho bị cáo T3 bán vào các ngày 16, 18-12-2020. Bị cáo T3 bán ma túy hộ bị cáo D vào các ngày 16, 18-12-2020 và cảnh giới cho bị cáo D bán ma túy cho các bị cáo T2 và T1 ngày 16-12-2020. Do đó, các bị cáo D và T3 phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm, tuy nhiên ở mức độ giản đơn. Bị cáo D là người cầm đầu, mua ma túy đưa cho người khác bán hộ, trả công bằng cách cho người bán hộ ăn, ở, sử dụng ma túy trong phòng mình. Ngoài ra, bị cáo D còn trực tiếp bán ma túy cho người khác. Bị cáo T2 đã rủ rê bị cáo T1 sử dụng ma túy, sau đó cả 2 đã thống nhất bán ma túy để lấy tiền chi tiêu chung. Bị cáo T3 là người thực hành tích cực, có nhiệm vụ bán ma túy hộ D, cảnh giới khi có người mua ma túy của bị cáo D. Do đó, cần đánh giá trách nhiệm của bị cáo D phải cao hơn các bị cáo khác; các bị cáo T1 và T3 có vai trò thấp hơn so với các bị cáo còn lại.

Về nhân thân: Bị cáo D có 02 tiền sự đã được xóa về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo T2, T1 và T3 chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình. Các bị cáo T2 và T1 có bà nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì, Huy hiệu 60 năm tuổi đảng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Văn D 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù, Lò Văn T3 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lò Văn T2 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, Lò Văn T1 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T2, T1 và T3. Đề nghị áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 25 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo D.

Xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

Chất ma túy sau giám định thu giữ của các bị cáo và anh Toán Văn H, 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước (07 x 04)cm, 01 hộp sắt màu xanh lá cây, nhãn hiệu Mentos, kích thước (04 x 09 x 1,5)cm và 01 lọ thủy tinh hình trụ tròn, màu nâu - đen, nhãn hiệu KenMax, kích thước (07 x 05)cm được niêm phong trong 02 phong bì số 53/MT/PC09 và 56/MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng;

01 dao lam nhãn hiệu LORD thu giữ của các bị cáo T2 và T1, 01 dao lam nhãn hiệu CROMA và 01 cân tiểu ly thu giữ của các bị cáo Dũng và T3.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 3.500.000 đồng thu giữ của bị cáo D, 410.000 đồng thu giữ của bị cáo T3 và 100.000 đồng thu giữ của bị cáo T2; buộc bị cáo T2 và bị cáo T1 nộp lại số tiền 400.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C2 thu giữ của bị cáo T2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A70 thu giữ của bị cáo D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vinsmart Joy 3 thu giữ của bị cáo T3.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 6.006.000 đồng và 01 đồng hồ nhãn hiệu HALEI Quartz cho bị cáo D, trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 cho bị cáo T1 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1, điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh và khung hình phạt:

Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng trong hồ sơ vụ án, xác định:

[2] Bị cáo Lò Văn T2 và bị cáo Lò Văn T1 cùng nhau thỏa thuận mua ma túy về vừa để sử dụng, vừa để chia nhỏ bán cho người khác thu lợi để sử dụng chung. Khoảng 11 giờ 05 phút, ngày 18-12-2020, tại khu vực đường 14, thuộc tổ dân phố Đông Phong, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bị cáo T2 bán trái phép 0,04 gam Heroine cho anh Toán Văn H với giá 100.000 đồng thì bị Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang. Bị cáo T1 và bị cáo T2 còn tàng trữ trái phép tại phòng trọ của chị Lò Thị P ở tổ dân phố Đông Phong, phường Minh Đức 1,29 gam Heroine vừa để sử dụng, vừa để bán cho người khác bị bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy mà các bị cáo bán trái phép và tàng trữ nhằm để bán trái phép và sử dụng cho bản thân là 1,33 gam Heroine. Trước đó, trưa ngày 17-12-2020, tại phòng trọ, bị cáo T1 bán 01 gói ma túy Heroine cho một người không quen biết được 100.000 đồng, bị cáo T2 bán 02 gói ma túy Heroine cho hai người không quen biết khác được 200.000 đồng; sáng 18-12-2020, trước khi bị bắt, bị cáo T2 tiếp tục bán 01 gói ma túy Heroine cho một người không quen biết được 100.000 đồng. Như vậy, các bị cáo T1 và T2 đã 05 lần bán trái phép chất ma túy cho người khác.

[3] Khoảng 12 giờ, ngày 16-12-2020, tại phòng trọ của bị cáo D ở số 652 Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, bị cáo T3 đứng tại cửa phòng để cảnh giới còn bị cáo D trực tiếp bán trái phép chất ma túy Heroine cho bị cáo T1 và bị cáo T2 được số tiền là 3.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 16-12-2020, bị cáo D đưa cho bị cáo T3 05 gói ma túy Heroine để bán, bị cáo T3

đã bán hết được 500.000 đồng và đã đưa lại tiền cho bị cáo D; ngày 18-12-2020, trước khi bị bắt, bị cáo D tiếp tục đưa cho bị cáo T3 05 gói ma túy Heroine để bán, bị cáo T3 đã bán 04 gói được 400.000 đồng nhưng chưa đưa lại tiền cho bị cáo D. Bị cáo D còn tàng trữ trái phép 2,52 gam Heroine trong túi quần bên trái, phía trước đang mặc của mình; bị cáo T3 còn tàng trữ trái phép 0,07 gam Heroine trong phòng trọ của bị cáo D nhằm để sử dụng cho bản thân hai bị cáo và để bán trái phép cho người khác thì bị Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy mà các bị cáo tàng trữ trái phép nhằm để bán và sử dụng cho bản thân là 2,59 gam Heroine. Như vậy, bị cáo D và bị cáo T3 đã 09 lần bán trái phép chất ma túy cho người khác, 01 lần cùng lúc bán trái phép chất ma túy cho 02 người.

[4] Ngoài ra, cáo trạng còn truy tố bị cáo D bán trái phép chất ma túy cho bị cáo T2 được số tiền là 700.000 đồng tại phòng trọ của bị cáo D vào ngày 09-12-2020. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa không đủ căn cứ xác định bị cáo D đã thực hiện hành vi này.

[5] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm để bán cho người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích kiếm lời phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho các bị cáo.

[6] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của các bị cáo T1 và T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo D và T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điểm b và c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;”

[7] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, khung hình phạt và điều luật là có cơ sở và đúng pháp luật.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Ma túy là chất gây nghiện, gây nhiều tác hại đến sức khỏe con người. Ma túy còn được xem là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo; qua đó, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy nói chung.

[9] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2 và bị cáo T1 có bà nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì, Huy hiệu 60 năm tuổi đảng nên được T2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] *Về phân hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm:* Trong vụ án có 02 nhóm bị cáo, nhóm các bị cáo D và T3, nhóm các bị cáo T2 và T1. Trong mỗi nhóm, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm của nhau quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn; không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các đồng phạm; không có người tổ chức, cầm đầu, chỉ huy; các bị cáo đều là người thực hành. Đối với nhóm các bị cáo D và T3, bị cáo D là người bỏ tiền và mua ma túy, nhờ bị cáo T3 bán ma túy hộ để cho bị cáo T3 ăn, ở và sử dụng ma túy không mất tiền; bị cáo T3 tự nguyện bán ma túy hộ và cảnh giới cho bị cáo D bán ma túy nên vai trò của bị cáo D tích cực hơn bị cáo T3 trong đồng phạm. Đối với nhóm các bị cáo T2 và T1, hai bị cáo đều góp tiền và đi mua ma túy cùng nhau, cùng nhau chia nhỏ, gói và bán ma túy; tiền có được từ bán ma túy được sử dụng chung nên có vai trò như nhau trong đồng phạm. Khi xem xét quyết định hình phạt cho mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử cần xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của mỗi bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[12] *Về nhân thân:* Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy nên có nhân thân xấu. Riêng bị cáo D đã bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần vào các năm 2015 và 2016 cùng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, đều đã được xóa nên có nhân thân xấu hơn các bị cáo khác. Hội đồng xét xử cần xem xét yếu tố nhân thân này để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[13] *Về hình phạt chính:* Trên cơ sở xem xét toàn diện về khung hình phạt, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, khối lượng ma túy thu được, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và nhân thân của các bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo T2 và bị cáo T1 trên mức khởi điểm của khung hình phạt, xử phạt bị cáo T3 cao hơn mức hình phạt của bị cáo T2 và bị cáo T1, xử phạt bị cáo D ở mức cao hơn các bị cáo khác.

[14] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo D tuy điều kiện kinh tế khó khăn nhưng có số tiền bị tạm giữ và có vai trò cao trong đồng phạm nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở mức thấp nhất của khung hình phạt theo các khoản 2 và 3 Điều 35, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo T3, T2 và T1 hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền không đối với bị cáo này.

Về xử lý vật chứng:

[15] Chất ma túy sau giám định thu được của các bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Đối với số tiền 9.506.000 đồng thu được của bị cáo D: Trong đó, có 3.000.000 đồng là tiền bị cáo D bán ma túy cho các bị cáo T1 và T2 vào ngày 16-12-2020, 500.000 đồng là tiền do bị cáo T3 bán ma túy hộ đưa lại cho bị cáo D vào ngày 16-12-2020, tổng cộng là 3.500.000 đồng, còn lại 6.006.000 đồng là tiền công lao động của bị cáo D. Đối với số tiền 410.000 đồng thu được bị cáo T3: Trong đó, có 400.000 đồng là tiền do bị cáo T3 bán ma túy hộ bị cáo D vào ngày 18-12-2020 nhưng chưa đưa lại cho bị cáo D, 10.000 đồng là tiền bị cáo D đưa cho bị cáo T3 để phục vụ sinh hoạt lấy từ tiền mua bán ma túy. Số tiền 100.000 đồng thu của bị cáo T2 là tiền bị cáo T2 bán ma túy cho anh H. Số tiền 400.000 đồng mà các bị cáo T2 và T1 có được sau 04 lần bán ma túy cho những người không quen biết, hai bị cáo đã tiêu hết số tiền này trước khi bị bắt. Đây là các khoản tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[17] Đối với 01 điện thoại di động Realme C2 thu giữ của bị cáo T2, 01 điện thoại Oppo A70 thu giữ của bị cáo D, 01 điện thoại Vinsmart Joy 3 thu giữ của bị cáo T3 là phương tiện dùng các bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[18] 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước (07 x 04)cm và 01 dao lam nhãn hiệu LORD thu giữ của các bị cáo T2 và T1; 01 dao lam nhãn hiệu CROMA, 01 cân tiểu ly, 01 hộp sắt màu xanh lá cây, nhãn hiệu Mentos, kích thước (04 x 09 x 1,5)cm và 01 lọ thủy tinh hình trụ tròn, màu nâu - đen, nhãn hiệu KenMax, kích thước (07 x 05)cm thu giữ của các bị cáo Dũng và Thảo là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[19] Đối với 01 điện thoại di động Samsung A10 thu giữ của bị cáo T1, 01 đồng hồ nhãn hiệu HALEI Quartz và số tiền còn lại 6.006.000 đồng thu giữ của bị cáo D (trong khoản tiền 9.506.000 đồng sau khi tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 3.500.000 đồng) đều không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[20] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO, biển kiểm soát 11L1-042.63 và 01 điện thoại di động Samsung M20 thu giữ của anh H là tài sản hợp pháp của anh H; hành vi của anh H không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh H là có căn cứ.

[21] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, biển kiểm soát 26H1-049.42 thu giữ của bị cáo T2 là tài sản của chị P. Chị P không biết bị cáo T2

và bị cáo T1 sử dụng chiếc xe này để mua bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chị P là có căn cứ.

Về vấn đề khác:

[22] Anh H là người tàng trữ trái phép 0,04 gam Heroine mua của bị cáo T2 để sử dụng cho bản thân. Khối lượng ma túy anh H tàng trữ dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Anh H chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, Công an quận Đồ Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H là đúng quy định.

[23] Chị P cho các bị cáo T1 và T2 sử dụng phòng trọ của mình để sinh hoạt trong thời gian chị đi làm. Anh Phạm Văn Th là chủ nhà trọ của các bị cáo T1 và T2. Chị P và anh Th đều không biết hai bị cáo này tàng trữ và mua bán chất ma túy tại đây nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với chị P và anh Th là đúng.

[24] Đối với người bán ma túy cho bị cáo D và người tên Lanh bán ma túy cho bị cáo T2, do các bị cáo không biết, quá trình điều tra cũng không xác định được cụ thể tên, tuổi và địa chỉ của hai người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở lập hồ sơ xử lý là có căn cứ.

[25] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[26] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b và c khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Văn D 09 (*Chín*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-12-2020;
- Lò Văn T3 08 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-12-2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lò Văn T1 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-12-2020;
- Lò Văn T2 07 (*Bảy*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-12-2020.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các khoản 2 và 3 Điều 35, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn D 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào các điểm a và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

Chất ma túy sau giám định thu giữ của các bị cáo và anh Toán Văn H, 01 (*Một*) lọ nhựa màu trắng, kích thước (07 x 04)cm, 01 (*Một*) hộp sắt màu xanh lá cây, nhãn hiệu Mentos, kích thước (04 x 09 x 1,5)cm và 01 (*Một*) lọ thủy tinh hình trụ tròn, màu nâu - đen, nhãn hiệu KenMax, kích thước (07 x 05)cm được niêm phong trong 02 (*Hai*) phong bì số 53/MT/PC09 và 56/MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng;

01 (*Một*) dao lam nhãn hiệu LORD thu giữ của bị cáo T2 và bị cáo T1, 01 (*Một*) dao lam nhãn hiệu CROMA và 01 (*Một*) cân tiểu ly thu giữ của bị cáo D và bị cáo T3.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 3.500.000 (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng thu giữ của bị cáo D, 410.000 (*Bốn trăm mười nghìn*) đồng thu giữ của bị cáo T3 và 100.000 (*Một trăm nghìn*) đồng thu giữ của bị cáo T2; buộc bị cáo T2 và bị cáo T1 nộp lại số tiền 400.000 (*Bốn trăm nghìn*) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C2 thu giữ của bị cáo T2, 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A70 thu giữ của bị cáo D, 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Vinsmart Joy 3 thu giữ của bị cáo T3.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 6.006.000 (*Sáu triệu không trăm linh sáu nghìn*) đồng và 01 (*Một*) đồng hồ nhãn hiệu HALEI Quartz cho bị cáo D, trả lại 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 cho bị cáo T1 nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền và những vật chứng này để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 11-6-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và Giấy chuyển tiền (ủy nhiệm chi) ngày 30-6-2021 giữa Công an quận Đồ Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo D, T3, T1 và T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

